

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2025

V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Thu Nga

Bà Đinh Thị Cửa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thanh Nga.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp L, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Chị Đinh Thị Sao L, sinh năm 1994; địa chỉ: tổ dân phố C, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Đinh Thị Sao L tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình vào ngày 15/4/2013. Sau khi kết hôn, đến ngày 15/7/2015, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện nay đã sống ly thân với nhau. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh H yêu cầu ly hôn với chị L.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Đình Phúc H1, sinh ngày 11/5/2013. Khi ly hôn, anh H đồng ý cho chị Sao L được nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Đình Thị Sao L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

- Về con chung: chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Đình Phúc H2, sinh ngày 11/5/2013. Hiện tại, con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị thống nhất với ý kiến của anh H, chị là người trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa,

Anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chị Đình Thị Sao L trình bày ý kiến như đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình, các Điều 147, 217, 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H3. Về quan hệ hôn nhân: cho anh H3 ly hôn chị L. Về quan hệ con chung: giao con chung là cháu H2 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh H3 không cấp dưỡng nuôi con chung tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét. Về án phí: anh H3 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con khi ly hôn với chị Đình Thị Sao L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, chị L có nơi cư trú tại tổ dân phố C, thị trấn Q, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1

Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của anh Nguyễn Văn H và chị L có đủ cơ sở xác định, anh H và chị L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/4/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015. Nay, anh H yêu cầu ly hôn, chị L đồng ý theo yêu cầu của anh H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H đối với chị L là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Đối với quan hệ con chung: Anh H và chị L đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đình Phúc H1, sinh ngày 11/5/2013. Khi ly hôn, anh H và chị L đều thống nhất giao con cho chị L nuôi dưỡng, hiện con chung đang sống với chị L. Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu thể hiện nguyện vọng của cháu mong muốn sống với chị L. Để ổn định cuộc sống cho cháu, giúp cháu phát triển tốt nhất về vật chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của anh H và chị L về việc chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Đối với quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Đinh Thị Sao L.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Đình Phúc H1, sinh ngày 11/5/2013 cho chị Đinh Thị Sao L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000708 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- UBND thị trấn Quy Đạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(đã ký)****Đinh Đức Cảnh**